

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Xưởng sản xuất giấy, bao bì của Công ty cổ phần giấy, bao bì Thanh Hoá tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 0806/CV-THAPACO ngày 08/6/2023 của Công ty cổ phần Giấy bao bì Thanh Hoá về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất giấy, bao bì tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá và Công văn số 287/GTrMT-TN ngày 28/7/2023 về việc bổ sung, chỉnh sửa nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất giấy, bao bì tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 919/TTr-STNMT ngày 31 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Giấy bao bì Thanh Hoá, địa chỉ tại: số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Xưởng sản xuất giấy, bao bì tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xưởng sản xuất giấy, bao bì tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2800523235 đăng ký lần đầu ngày 10/12/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/7/2013 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2800523235

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giấy bao bì công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô cơ sở: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích theo quy hoạch đất của Xưởng sản xuất giấy, bao bì: 7.455 m² đất.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Giấy bao bì Thanh Hoá:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và

phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 10 tháng 8 năm 2023 đến ngày 10 tháng 8 năm 2033).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận hoàn thành nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty Cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá số 9797/UBND-NN được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30 tháng 7 năm 2019 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhân:

- Công ty Cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hoá (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải vệ sinh của cán bộ công nhân viên cơ sở (đại tiện, tiểu tiện), có lưu lượng 1,76 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất sau khi tái sử dụng qua các công đoạn sản xuất, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý, có lưu lượng 85,41 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của khu vực (phía Tây Bắc cơ sở) → sông Hạc (đoạn chảy qua số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá).

2.2. Vị trí xả thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (xử lý nước thải sản xuất và nước thải sau bể tự hoại) chảy vào cống thoát nước thải chung.

Tọa độ: X (m) = 2193879; Y(m) = 580520 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 87,17 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Ban ngày (Thời gian từ 07 giờ đến 17 giờ hàng ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột B₁, K_q = 0,9 và K_f = 1,2). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 12-MT:2015/BTNMT (cột B ₁ , K _q = 0,9, K _f = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục

1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.
2	pH	-	5,5 - 9		
3	Độ màu (pH = 7)	Pt-Co	162		
4	COD	mg/l	216		
5	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	54		
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108		
7	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ	mg/l	16,2	01 năm/lần	
8	Dioxin	pg TEQ/l	32,4		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh → Bể tự hoại → Đường ống PVC D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất tái sử dụng tại các công đoạn sản xuất, phần không tái sử dụng → Hệ thống xử lý tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất gồm: Nước từ xeo giấy, cô đặc bột, rửa chần lưới. Một phần nước thải xeo giấy bơm quay vòng tại chỗ để pha loãng bột chuyển lên giàn xeo; phần còn lại cùng với nước thải cô đặc bột và nước thải rửa chần lưới → Bể chứa nước thải tuần hoàn → Các công đoạn sản xuất: một phần bơm về máy nghiền thủy lực để nghiền bột, một phần bơm về bể pha loãng bột trước khi sàng và các bể chứa bột; phần không tái sử dụng bơm về Bể phản ứng → Bể tuyển nổi → Một phần cấp cho sản xuất; phần còn lại bơm về Bể hiếu khí (O₂ bể) → Bể lắng → Một phần bơm tái sử dụng cho sản xuất; phần không sử dụng thải ra cống thoát nước chung khu vực → sông Hạc.

- **Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.đêm.**

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polyme, Axit H₃PO₄, PAC, Phân đạm Urê... (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung điều kiện cần thiết để duy trì hiệu suất xử lý của bể sinh học hiếu khí để duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục, tạm dừng sản xuất của toàn bộ Nhà máy để tiến hành khắc phục.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom bảo đảm hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực (theo đề xuất của Công ty Cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá, do công ty cải tạo bổ sung một số công trình của hệ thống xử lý nước thải). Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu ra tại bể lắng nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.8. Công ty Cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi, công suất thiết kế 4 tấn/giờ (nguyên liệu đốt bằng củi).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Khí thải từ ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m) = 2193892; Y(m) = 580520 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m³/giờ (theo công suất quạt hút).

2.2.1. Phương thức xả thải: Khí thải sau xử lý xả ra môi trường qua ống khói cao 16m, xả liên tục 24/24 giờ khi lò hơi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 1 và Kv = 0,6). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	600		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		
4	Nito oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi và khí thải

Khí thải nồi hơi → Cyclone khô → Quạt hút khí thải → Bể hấp thụ khí thải → Ống khói → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Cyclone khô (02); Quạt hút công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ; Bể chứa dung dịch sữa vôi; ống khói cao 16m.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch sữa vôi Ca(OH)₂ (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2. phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng các thiết bị của lò hơi và các hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập bảng ghi chú các sự cố nồi hơi có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi và phương pháp xử lý treo tại khu vực đặt nồi hơi.

- Trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, dừng hoạt động của lò hơi để sửa chữa, khắc phục sự cố, khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường mới cho vận hành trở lại.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải lò hơi; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

2.1. Thực hiện quan trắc mẫu chất thải bổ sung để đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý khí thải, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực (theo quy định tại

điểm e khoản 3 Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và theo đề xuất của Công ty Cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá).

- Hệ thống xử lý khí thải nôi hơi, công suất 4 tấn/giờ, lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại thân ống khói thoát khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Vận hành theo đúng hướng dẫn kỹ thuật và tuân thủ theo QCVN 01:2008/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động nôi hơi và bình chịu áp lực.

3.4. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm định, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống xử lý bụi, khí thải nôi hơi.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động dây chuyền xeo giấy
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy nghiền thủy lực
- Nguồn số 03: Phát sinh từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ khu vực máy bơm, máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2193922; Y(m) = 580539
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2193925; Y(m) = 580542
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2193892; Y(m) = 580520
- Nguồn số 04: Tọa độ: X(m) = 2193879; Y(m) = 580524

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

1.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

1.4. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	20
2	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	35
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
4	Bao bì mềm thải nhiễm CTNH	18 01 01	30
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm CTNH	18 01 02	20
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm CTNH	18 01 03	45
Tổng khối lượng			160

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Tro xỉ lò hơi	6.000
2	Nilon, băng dính, mảnh nhựa, đinh, ghim, cát sạn	28.125
3	Bùn thải không chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	28,4

4	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	5,0
Tổng khối lượng		34.158,4

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8,25

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, ghi mã số từng loại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 9,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng ngừa sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Xe đẩy tay.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích 10,0m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông chống thấm, có mái che, gờ bao.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng composite dung tích 10 lít, có nắp đậy, đặt tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ. Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá để thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày (01 lần/ngày).

2.4. Chuyển giao chất thải: Chỉ được chuyển chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý; Thực hiện quản lý chất thải rắn công

nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định không gây ô nhiễm môi trường.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu thấm hút (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

Công ty cổ phần giấy bao bì Thanh Hoá đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Xưởng sản xuất giấy, bao bì tại số 268 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá theo Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt; đã được UBND tỉnh Thanh Hóa xác nhận hoàn thành nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Văn bản số 9797/UBND-NN ngày 30 tháng 7 năm 2019.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng **QCVN 12-MT:2015/BTNMT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất giấy và bột giấy (cột B₁, K_q = 0,9, K_f = 1,2). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Nguyên liệu (giấy phế liệu) cho sản xuất phải lưu giữ trong khu vực có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn qua ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.